

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa Quy định điều động, chuyển, tiếp nhận và tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện nội dung Công văn số 262/CV-HĐND ngày 03/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, chuẩn bị nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 13, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI về tình hình thực hiện Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Quy định điều động, chuyển, tiếp nhận và tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập, Sở Nội vụ báo cáo như sau:

I. Về công tác triển khai, tổ chức thực hiện:

Sau khi Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh được ban hành, Sở Nội vụ đã có các Công văn số: 988/SNV-TCBC ngày 18/9/2012, 92/SNV-TCBC ngày 27/01/2014, 844/SNV-TCBC ngày 18/7/2014, gửi các huyện, thị xã, thành phố yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn cùng với tổ chức Công đoàn phổ biến, quán triệt Quyết định nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh đến tất cả các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn để mọi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nắm được mục đích, yêu cầu, nội dung của việc sắp xếp, điều chuyển cán bộ, giáo viên, nhân viên trường học; đồng thời yêu cầu việc sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ, giáo viên đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng và đúng quy định và phải được tiến hành từng bước chặt chẽ từ khâu rà soát, đánh giá, phân loại đến việc sắp xếp, bố trí, điều chuyển giáo viên từ nơi thừa đến nơi thiếu, giữa các trường trong xã và giữa các xã trong huyện; điều chuyển giáo viên trung học cơ sở xuống dạy tiểu học, bố trí cho trung tâm học tập cộng đồng.

II. Về kết quả thực hiện biên chế được giao, tính đến ngày 30/6/2015.

Năm 2014, Chủ tịch UBND tỉnh giao biên chế tại Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 01/02/2014, như sau:

- Biên chế hành chính nhà nước: 4.357 biên chế;
- Biên chế sự nghiệp: 60.562 biên chế, bao gồm:
 - + Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 50.662 biên chế, trong đó:

- Mầm non: 11.599 biên chế;
- Tiểu học: 16.545 biên chế;
- Trung học cơ sở: 14.123 biên chế;
- Giáo dục thường xuyên và Dạy nghề: 720 biên chế;
- Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: 1.363 biên chế;
- + Sự nghiệp Y tế: 7.500 biên chế;
- + Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể thao: 1.050 biên chế;
- + Sự nghiệp khác: 1.350 biên chế.

1. Đối với Khối Mầm non:

- Tổng số trường: 650;
- Tổng số nhóm trẻ, lớp: 9.019;
- Biên chế hiện có (thực hiện): 11.077 biên chế, thấp hơn biên chế được giao 522, gồm các huyện: Bá Thước 01, Thường Xuân 10, Ngọc Lặc 27, Cẩm Thủy 28, Thạch Thành 37, Vĩnh Lộc 33, Thọ Xuân 22, Triệu Sơn 59, Yên Định 21, Đông Sơn 14, Hà Trung 24, Thị xã Bỉm Sơn 24, Hậu Lộc 09, Hoằng Hóa 36, Quảng Xương, 09, Tĩnh Gia 39, Thành phố Thanh Hóa: 175.

2. Đối với khối Tiểu học:

a) Kết quả thực hiện Biên chế được giao.

- Tổng số trường: 707;
- Tổng số lớp: 9.749.
- Tổng số học sinh: 247.231 học sinh.
- Biên chế hiện có (thực hiện): 16.156 biên chế, thấp hơn biên chế được giao 389 biên chế, trong đó:

+ Các huyện có biên chế thực hiện thấp hơn biên chế được giao năm 2014 là: Mường Lát 26, Quan Hóa 18, Thường Xuân 24, Cẩm Thủy 43, Thạch Thành 56, Thọ Xuân 58, Triệu Sơn 40, Nông Cống 03, Yên Định 02, Bỉm Sơn 22, Nga Sơn 04, Hoằng Hóa 13, Quảng Xương 133, Tĩnh Gia 40, Sầm Sơn 12, TP. Thanh Hóa 163:

+ Các huyện có biên chế thực hiện cao hơn biên chế được giao năm 2014 là: Quan Sơn: 02, Bá Thước 22, Lang Chánh 44, Như Thanh 57, Ngọc Lặc 57, Vĩnh Lộc 32, Thiệu Hóa 9, Đông Sơn 25, Hà Trung 74, Hậu Lộc 40.

(Có phụ lục 1 kèm theo).

b) Kết quả sắp xếp, bố trí, điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính Khối Tiểu học theo Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh từ ngày 08/11/2011 đến 30/6/2015.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên hành chính Tiểu học được điều chuyển, bố trí, sắp xếp trên toàn tỉnh là: 1.136 người, trong đó:
- + Trong phạm vi xã là 33 người, gồm: Quan Sơn 04, Bá Thước 01,

Thường Xuân 02, Như Thanh 19, Cẩm Thủy 01, Vĩnh Lộc 02, Nông Cống 02, Hà Trung 01, Bỉm Sơn 01.

+ Trong phạm vi huyện là 1.103 người, gồm: Quan Sơn 31, Quan Hóa 61, Bá Thước 15, Lang Chánh 17, Thường Xuân 31, Như Xuân 01, Như Thanh 65, Ngọc Lặc 155, Cẩm Thủy 07, Thạch Thành 36, Vĩnh Lộc 03, Thọ Xuân 37, Triệu Sơn 94, Nông Cống 112, Thiệu Hóa 09, Đông Sơn 39, Hà Trung 59, Bỉm Sơn 01, Nga Sơn 30, Hậu Lộc 44, Hoằng Hóa 37, Quảng Xương 20, Tĩnh Gia 93, Thành phố Thanh Hóa 103.

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

3. Đối với khối Trung học cơ sở:

a) Kết quả thực hiện Biên chế được giao.

- Tổng số trường: 649;
- Tổng số lớp: 5.123 lớp.
- Tổng số học sinh: 184.409 học sinh.
- Biên chế giao năm 2014 là: 14.036 biên chế (Đã điều chuyển 87 biên chế sang 04 trường Phổ thông có 2 cấp học THCS và THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm: Trường THCS và THPT Nghi Sơn huyện Tĩnh Gia 32; Trường THCS và THPT Thống Nhất huyện Yên Định 23, Trường THCS và THPT huyện Quan Hoá 14, Trường THCS và THPT huyện Như Thanh 18);
- Biên chế hiện có (thực hiện): 15.417 biên chế.
- Như vậy, so với Biên chế được giao thì khối Trung học cơ sở còn dôi dư là: 1.381 biên chế, cụ thể như sau:

+ Các huyện có biên chế thực hiện cao hơn biên chế được giao năm 2014 là: Quan Sơn 12, Quan Hóa 9, Bá Thước 26, Lang Chánh 17, Thường Xuân 85, Như Xuân 12, Như Thanh 48, Ngọc Lặc 169, Cẩm Thủy 04, Thạch Thành 76, Vĩnh Lộc 51, Thọ Xuân 41, Triệu Sơn 31, Nông Cống 9, Yên Định 76, Thiệu Hóa 125, Đông Sơn 63, Hà Trung 60, Bỉm Sơn 19, Nga Sơn 110, Hậu Lộc 46, Hoằng Hóa 131, Quảng Xương 47, Tĩnh Gia 88, Sầm Sơn 20, Thành phố Thanh Hóa 10.

+ Các huyện có biên chế thực hiện thấp hơn biên chế được giao năm 2014 là: Mường Lát 04.

(Chi tiết có phụ lục 3 kèm theo)

b) Số lượng, chủng loại cán bộ quản lý, giáo viên THCS dôi dư, thiếu của các đơn vị.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên THCS dôi dư so với biên chế được giao năm 2014 là 1.381, trong đó: Cán bộ quản lý thừa: 50, Giáo viên thừa: 1.748, NVHC thiếu : 417.

(Chi tiết có phụ lục 4 kèm theo)

c) Kết quả điều chuyển, tiếp nhận giáo viên Trung học cơ sở theo Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh từ ngày 08/11/2011 đến

30/6/2015.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS điều chuyển giữa các trường THCS trong phạm vi huyện là 1.011 người, trong đó: cán bộ quản lý 10, giáo viên 986, nhân viên hành chính 15, gồm: Quan Sơn 67, Quan Hóa 36, Bá Thước 19, Lang Chánh 16, Thường Xuân 25, Như Xuân 13, Như Thanh 35, Ngọc Lặc 53, Cẩm Thủy 11, Thạch Thành 22, Vĩnh Lộc 16, Thọ Xuân 46, Triệu Sơn 94, Nông Cống 56, Yên Định 22, Thiệu Hóa 26, Đông Sơn 25, Hà Trung 26, Bỉm Sơn 04, Nga Sơn 30, Hậu Lộc 58, Hoằng Hóa 35, Quảng Xương 154, Tĩnh Gia 55, Sầm Sơn 05, Thành phố Thanh Hóa 62.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS điều chuyển xuống cấp Tiểu học là 435 giáo viên, gồm: Quan Sơn 08, Quan Hóa 09, Bá Thước 23, Lang Chánh 13, Thường Xuân 13, Như Xuân 37, Như Thanh 09, Ngọc Lặc 16, Cẩm Thủy 06, Thạch Thành 34, Vĩnh Lộc 32, Thọ Xuân 24, Triệu Sơn 19, Yên Định 36, Thiệu Hóa 02, Đông Sơn, 02, Hà Trung 15, Bỉm Sơn 17, Nga Sơn 02, Hậu Lộc 19, Hoằng Hóa 03, Quảng Xương 43, Tĩnh Gia 37, Thành phố Thanh Hóa 16.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS điều chuyển sang Trung tâm học tập cộng đồng là 481 giáo viên, gồm: Mường Lát 09, Bá Thước 17, Lang Chánh 08, Thường Xuân 18, Như Xuân 18, Như Thanh 19, Ngọc Lặc 22, Cẩm Thủy 08, Thạch Thành 28, Vĩnh Lộc 02, Thọ Xuân 41, Triệu Sơn 11, Nông Cống 22, Yên Định 29, Thiệu Hóa 03, Đông Sơn 15, Hà Trung 12, Nga Sơn 26, Hậu Lộc 24, Hoằng Hóa 36, Quảng Xương 36, Tĩnh Gia 35, Sầm Sơn 05, Thành phố Thanh Hóa 17.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS điều chuyển sang huyện khác theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh là 33 giáo viên.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS các huyện tiếp nhận do Chủ tịch UBND tỉnh điều động là 33 giáo viên; huyện Quan Hoá tiếp nhận 21 giáo viên, huyện Mường Lát tiếp nhận 12 giáo viên.

(Chi tiết có phụ lục 5 kèm theo)

III. Về tuyển dụng, tiếp nhận và điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường Tiểu học, Trung học cơ sở trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố từ năm 2011 đến nay.

1. Về tuyển dụng:

Từ năm 2011 đến nay UBND các huyện đã tuyển dụng 273 trường hợp, cụ thể như sau:

- Khối Tiểu học: tuyển dụng 182, gồm: Quảng Xương 07, Mường Lát 54, Quan Hóa 59, Triệu Sơn 02, Thường Xuân 03, Thiệu Hóa 11, Nga Sơn 17, Quan Sơn 29. Trong đó Huyện Thiệu Hóa tuyển vượt quá chỉ tiêu biên chế được giao 09; riêng 02 huyện Mường Lát và Quan Hóa được tuyển dụng giáo viên Tiểu học còn thiếu theo Công văn số 1872/UBND-THKH ngày 22/3/2013 và Công văn số 5903/UBND-THKH ngày 01/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

- Khối Trung học cơ sở: tuyển dụng 91, gồm: Quảng Xương 06, Thường Xuân 01, Thiệu Hóa 12, Nga Sơn 02, Quan Sơn 70. Các đơn vị này đều có số biên chế vượt quá chỉ tiêu biên chế được giao.

2. Về tiếp nhận, điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở của các huyện, thị xã, Thành phố.

a) Về tiếp nhận:

Từ năm 2011 đến nay UBND các huyện, thành phố đã tiếp nhận 224 trường hợp, gồm: Hà Trung 01, Hậu Lộc 02, Hoằng Hóa 08, Quảng Xương 65, Nông Cống 05, Thọ Xuân 01, Đông Sơn 01, Triệu Sơn 04, Yên Định, 07, Cẩm Thủy 05, Ngọc Lặc 05, Thường Xuân 07, Bá Thước 02, Quan Hóa 35, Mường Lát 11, Lang Chánh 02, Tĩnh Gia 09, Thành phố Thanh Hóa 54.

a) Về chuyển đi:

Từ năm 2011 đến nay UBND các huyện, thị xã, thành phố đã cho phép 547 trường hợp chuyển đi huyện ngoài, gồm: Thành phố Thanh Hóa 05, Bim Sơn 02, Sầm Sơn 05, Hà Trung 18, Nga Sơn 19, Hậu Lộc 35, Hoằng Hóa 22, Quảng Xương 66, Nông Cống 05, Thọ Xuân 14, Đông Sơn 32, Triệu Sơn 17, Yên Định 07, Vĩnh Lộc 02, Thạch Thành 24, Cẩm Thủy 07, Ngọc Lặc 24, Như Thanh 12, Như Xuân 07, Thường Xuân 18, Bá Thước 12, Quan Sơn 71, Quan Hóa 32, Mường Lát 38, Lang Chánh 16, Tĩnh Gia 37.

IV. Đánh giá chung việc thực hiện Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Nhìn chung UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tập trung chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh; tình hình giáo viên tiểu học và trung học cơ sở của các huyện, thị xã, thành phố sau khi thực hiện sắp xếp, điều chuyển đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu giảng dạy của các trường ở mỗi cấp học; đã khắc phục được một bước thừa, thiếu giáo viên cục bộ giữa các trường, các cấp học trong tỉnh lâu nay vẫn thường xảy ra. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị thực hiện chưa nghiêm túc, còn lúng túng trong việc điều chuyển, bố trí, sắp xếp giáo viên các cấp học; thực hiện việc tiếp nhận và tuyển dụng giáo viên vượt chỉ tiêu biên chế được giao, nguyên nhân là do mặc dù biên chế thực hiện còn thừa so với chỉ tiêu được giao nhưng lại thiếu các môn đặc thù trong khi theo quy định các Nhà trường phải đảm bảo đầy đủ số tiết học theo cơ cấu các môn học; mặt khác người đứng đầu các đơn vị thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 27, Quyết định số 685/2007/QĐ-UBND ngày 02/3/2007 của UBND tỉnh về trách nhiệm phải báo cáo UBND tỉnh.

IV. Về giải pháp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để UBND các huyện, thị xã, thành phố nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện nghiêm Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh

Thanh Hóa;

- Sở Nội vụ, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu biên chế được giao, việc thực hiện điều chuyển, bố trí, sắp xếp giáo viên các cấp học. Nếu phát hiện những trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận, điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các cấp học của UBND các huyện, thị xã, thành phố không đúng quy định, Giám đốc Sở Nội vụ đình chỉ các Quyết định nói trên đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm;

- Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc dừng tuyển dụng, hợp đồng giáo viên các cấp học;

- Yêu cầu các đơn vị sớm triển khai xây dựng Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp tình hình Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Nội vụ kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCBC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Dũng

PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO CỦA KHỐI TIÊU HỌC

TT	Đơn vị	Số trường	Biên chế được giao năm 2014	Biên chế hiện có đến 30/6/2015	Thừa (dôi dư)				Thiếu				Tổng hợp chung, thừa (+), thiếu (-)
					Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NVHC	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) = (5)-(4)
1	Mường Lát	11	391	365	4	4	0	0	30	0	25	5	-26
2	Quan Sơn	13	336	338	24	13	11	0	22	0	0	22	2
3	Quan Hoá	18	377	359	0	0	0	0	18	0	0	18	-18
4	Bá Thước	30	654	676	66	4	62	0	44	0	0	44	22
5	Lang Chánh	15	331	375	54	0	54	0	10	1	0	9	44
6	Thường Xuân	26	669	645	10	10	0	0	34	0	34	0	-24
7	Như Xuân	14	441	439	0	0	0	0	2	0	0	2	-2
8	Như Thanh	19	490	547	87	6	81	0	30	0	0	30	57
9	Ngọc Lặc	35	713	770	109	0	109	0	52	0	0	52	57
10	Cẩm Thủy	21	526	483	0	0	0	0	43	0	3	40	-43
11	Thạch Thành	39	731	675	8	5	3	0	64	0	0	64	-56
12	Vĩnh Lộc	17	333	365	56	3	53	0	24	0	0	24	32
13	Thọ Xuân	41	927	869	19	19	0	0	77	0	38	39	-58
14	Triệu Sơn	38	868	828	29	29	0	0	69	0	7	62	-40
15	Nông Cống	36	729	726	47	9	38	0	50	0	0	50	-3
16	Yên Định	30	660	585	52	10	42	0	54	0	0	54	-2
17	Thiệu Hoá	28	598	607	36	12	24	0	27	0	0	27	9
18	Đông Sơn	14	312	337	51	7	44	0	26	0	0	26	25
19	Hà Trung	29	514	588	138	0	138	0	64	0	0	64	74
20	Bim Sơn	8	203	181	0	0	0	0	22	1	13	8	-22
21	Nga Sơn	29	660	664	15	0	15	0	19	1	0	18	-4
22	Hậu Lộc	30	744	784	43	8	35	0	3	0	0	3	40
23	Hoảng Hoá	43	870	857	31	8	23	0	44	0	0	44	-13
24	Quảng Xương	37	921	788	13	10	0	0	146	0	83	63	-133
25	Tĩnh Gia	37	1025	985	13	13	0	0	53	0	29	24	-40
26	Sầm Sơn	7	244	232	0	0	0	0	12	0	5	7	-12
27	TP Thanh Hoá	42	1.251	1.088	0	0	0	0	163	0	101	62	-163
	Tổng cộng	707	16.545	16.156	902	170	732	0	1.291	3	338	950	-389

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ ĐIỀU CHUYỂN KHỎI TIỂU HỌC

TT	Đơn vị	Điều chuyển trong phạm vi xã			Điều chuyển trong phạm vi huyện			Điều chuyển sang trung tâm học tập cộng đồng		
		CBQL	GV	NVHC	CBQL	GV	NVHC	CBQL	GV	NVHC
1	Mường Lát	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Quan Sơn	2	2	0	8	21	2	0	0	0
3	Quan Hoá	0	0	0	20	34	7	3	0	0
4	Bá Thước	0	1	0	2	13	0	0	0	0
5	Lang Chánh	0	0	0	2	15	0	0	0	0
6	Thường Xuân	0	2	0	6	25	0	0	0	0
7	Như Xuân	0	0	0	0	1	0	0	0	0
8	Như Thanh	0	19	0	0	54	11	0	0	0
9	Ngọc Lặc	0	0	0	3	152	3	0	0	0
10	Cẩm Thủy	0	1	0	6	1	0	0	0	0
11	Thạch Thành	0	0	0	6	25	5	0	0	0
12	Vĩnh Lộc	0	2	0	0	3	0	0	0	0
13	Thọ Xuân	0	0	0	2	33	2	0	0	0
14	Triệu Sơn	0	0	0	4	88	2	0	0	0
15	Nông Cống	2	0	0	7	104	1	0	0	0
16	Yên Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Thiệu Hoá	0	0	0	0	9	0	0	0	0
18	Đông Sơn	0	0	0	15	24	0	0	0	0
19	Hà Trung	0	1	0	0	59	0	0	0	0
20	Bỉm Sơn	0	1	0	0	1	0	0	0	0
21	Nga Sơn	0	0	0	2	28	0	0	0	0
22	Hậu Lộc	0	0	0	0	37	7	0	0	0
23	Hoàng Hoá	0	0	0	3	18	16	0	0	0
24	Quảng Xương	0	0	0	0	20	0	0	0	0
25	Tĩnh Gia	0	0	0	16	76	1	0	0	0
26	Sầm Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	TP Thanh Hoá	0	0	0	0	102	1	0	0	0
	Tổng cộng	4	29	0	102	943	58	3	0	0

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO CỦA KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

TT	Đơn vị	Số trường	Biên chế được giao năm 2014	Biên chế hiện có đến 30/6/2015	Thừa (dôi dư)				Thiếu				Tổng hợp chung, thừa (+), thiếu (-)
					Tổng số	CBQL	GV	NVHC	Tổng số	CBQL	GV	NVHC	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) = (5)-(4)
1	Mường Lát	10	207	203	0	0	0	0	4	0	4	0	-4
2	Quan Sơn	14	230	242	12	0	12	0	0	0	0	0	12
3	Quan Hoá	16	242	251	9	0	9	0	0	0	0	0	9
4	Bá Thước	26	479	505	26	0	26	0	0	0	0	0	26
5	Lang Chánh	12	245	262	17	0	14	3	0	0	0	0	17
6	Thường Xuân	18	459	544	106	2	104	0	21	0	0	21	85
7	Như Xuân	19	364	376	13	0	13	0	1	1	0	0	12
8	Như Thanh	17	394	442	99	5	94	0	41	0	0	41	48
9	Ngọc Lặc	24	570	739	208	0	208	0	39	2	0	37	169
10	Cầm Thủy	21	481	485	4	0	4	0	0	0	0	0	4
11	Thạch Thành	29	617	693	76	0	76	0	0	0	0	0	76
12	Vĩnh Lộc	16	316	367	90	9	81	0	39	0	0	39	51
13	Thọ Xuân	42	872	913	90	0	90	0	49	0	0	49	41
14	Triệu Sơn	38	782	813	33	8	25	0	2	0	0	2	31
15	Nông Công	33	692	701	53	3	50	0	44	0	0	44	9
16	Yên Định	29	613	689	76	0	76	0	0	0	0	0	76
17	Thiệu Hoá	28	547	672	125	7	118	0	0	0	0	0	125
18	Đông Sơn	15	283	346	63	0	63	0	0	0	0	0	63
19	Hà Trung	24	481	541	60	0	60	0	0	0	0	0	60
20	Bỉm Sơn	7	170	189	19	2	17	0	0	0	0	0	19
21	Nga Sơn	27	602	712	119	0	119	0	9	2	0	7	110
22	Hầu Lộc	28	652	698	46	0	46	0	0	0	0	0	46
23	Hoảng Hoá	43	818	949	203	2	201	0	0	0	0	72	131
24	Quảng Xương	37	837	884	47	0	47	0	0	0	0	0	47
25	Tĩnh Gia	34	844	932	170	6	164	0	82	0	0	82	88
26	Sầm Sơn	5	178	198	20	0	20	0	0	0	0	0	20
27	TP Thanh Hoá	37	1061	1071	120	11	109	0	26	0	0	26	10
	Tổng cộng	649	14036	15417	1904	55	1846	3	357	5	4	420	1381

PHỤ LỤC 4: CHI TIẾT CHŨNG LOẠI CBQL, GV TRUNG HỌC CƠ SỞ DÔI DƯ

TT	Đơn vị	Cán bộ QL, Giáo viên, NVHC dôi dư (+), Thiếu (-)														
		Tổng số	CBQL	NVHC	Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	Sinh	Địa	GDC D	TD	NN	Tin	GV khác
1	Mường Lát	-4	0	0						-1	-1					-2
2	Quan Sơn	12	0	0	2			4	5				1			
3	Quan Hoá	9	0	0	2		3	4								0
4	Bá Thước	26	0	0	8	7		9		2						
5	Lạng Chánh	17	0	3	7			7	3							
6	Thường Xuân	85	2	-21	31	5	7	21	7	13	1					19
7	Như Xuân	12	-1	0	8			5								
8	Như Thanh	48	5	-41	16	8	5	16	6	5	5	5	1			17
9	Ngọc Lặc	169	-2	-37	51	24	13	38	28	19	6	2	15	3		9
10	Cẩm Thủy	4	0	0				4								
11	Thạch Thành	76	0	0	22	6		25	9	3	3	8				
12	Vĩnh Lộc	51	9	-39	23	3	8	22	2	5		1		6	1	10
13	Thọ Xuân	41	0	-49	39	7	-1	28			-3	6	3	3	-4	12
14	Triệu Sơn	31	8	-2	4	5		5	5	3	3	3	-1	9	-11	
15	Nông Công	9	3	-44	8	6	5	12	5	6		4				4
16	Yên Định	76	0	0	13	6	10	23		8			16			
17	Thiệu Hoá	125	7	0	49		6	51						12		
18	Đông Sơn	63	0	0	37			26								
19	Hà Trung	60	0	0	6	5	5	8	7	6	7			12		4
20	Bỉm Sơn	19	2	0	5			5					2			5
21	Nga Sơn	110	-2	-7	30	23	18	15	7	6	5		6	9		
22	Hậu Lộc	46	0	0	12	5	5	6	4	2	4	5	3			
23	Hoàng Hoá	131	2	-72	46	27	18	49	19	5	13	10		14		
24	Quảng Xương	47	0	0	10	7	10	9	6		5					
25	Tĩnh Gia	88	6	-82	26	20	18	29	19	5	13	10		14		10
26	Sầm Sơn	20	0	0	6	2		6		3	2					
27	TP Thanh Hoá	10	11	-26	20			15						16		-26
	Tổng cộng	1.381	50	-417	480	166	130	442	132	90	63	54	45	98	-14	62

PHỤ LỤC 5. KẾT QUẢ ĐIỀU CHUYỂN KHỎI TRUNG HỌC CƠ SỞ

TT	Đơn vị	Điều chuyển trong phạm vi xã			Điều chuyển trong phạm vi huyện			Điều chuyển xuống Tiểu học			Điều chuyển sang TTHTCD			Điều chuyển sang huyện, Đơn vị khác			Tiếp nhận từ huyện khác		
		CBQL	GV	NVHC	CBQL	GV	NVHC	CBQL	GV	NVHC	CBQL	GV	NVHC	CBQL	GV	NVHC	CBQL	GV	NVHC
1	Mường Lát	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	0	0	0	0	0	12	0
2	Quan Sơn	0	0	0	0	67	0	0	8	0	0	0	0	0	11	0	0	0	0
3	Quan Hoá	0	0	0	0	36	0	0	9	0	0	0	0	0	0	0	0	21	0
4	Bá Thước	0	0	0	0	19	0	0	23	0	0	17	0	0	1	0	0	0	0
5	Lang Chánh	0	0	0	0	16	0	0	13	0	0	8	0	0	6	0	0	0	0
6	Thường Xuân	0	0	0	0	25	0	0	13	0	0	18	0	0	3	0	0	0	0
7	Như Xuân	0	0	0	0	13	0	0	37	0	0	18	0	0	0	0	0	0	0
8	Như Thanh	0	0	0	0	20	15	0	9	0	0	19	0	0	1	0	0	0	0
9	Ngọc Lặc	0	0	0	0	53	0	0	16	0	0	22	0	0	11	0	0	0	0
10	Cầm Thủy	0	0	0	0	11	0	0	6	0	0	8	0	0	0	0	0	0	0
11	Thạch Thành	0	0	0	0	22	0	0	34	0	0	28	0	0	0	0	0	0	0
12	Vĩnh Lộc	0	0	0	0	16	0	0	32	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0
13	Thọ Xuân	0	0	0	0	46	0	0	24	0	0	41	0	0	0	0	0	0	0
14	Triệu Sơn	0	0	0	8	86	0	0	19	0	3	11	0	0	0	0	0	0	0
15	Nông Cống	0	0	0	2	54	0	0	0	0	1	22	0	0	0	0	0	0	0
16	Yên Định	0	0	0	0	22	0	0	36	0	0	29	0	0	0	0	0	0	0
17	Thiệu Hoá	0	0	0	0	26	0	0	2	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0
18	Đông Sơn	0	0	0	0	25	0	0	2	0	0	15	0	0	0	0	0	0	0
19	Hà Trung	0	0	0	0	26	0	0	15	0	0	12	0	0	0	0	0	0	0
20	Bỉm Sơn	0	0	0	0	4	0	0	17	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Nga Sơn	0	0	0	0	30	0	0	2	0	0	26	0	0	0	0	0	0	0
22	Hậu Lộc	0	0	0	0	58	0	0	19	0	0	24	0	0	0	0	0	0	0
23	Hoảng Hoá	0	0	0	0	35	0	0	3	0	0	36	0	0	0	0	0	0	0
24	Quảng Xương	0	0	0	0	154	0	0	43	0	0	36	0	0	0	0	0	0	0
25	Tĩnh Gia	0	0	0	0	55	0	0	37	0	0	35	0	0	0	0	0	0	0
26	Sầm Sơn	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0
27	TP Thanh Hoá	0	0	0	0	62	0	0	16	0	0	37	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	10	986	15	0	435	0	4	481	0	0	33	0	0	33	0